

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2024

HỢP ĐỒNG MUA BÁN RAU CỦ QUẢ

(Số: 01/HĐMB-RSTL/2024)

- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ quy định về chất lượng và ATTP hiện hành
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2024 tại Hà Nội chúng tôi gồm:

Bên Bán (Bên A):

Họ và tên: Nguyễn Văn Lương

CMND/CCCD số: 001084032977 do Cục QLHC cấp ngày 10/05/2021

Địa chỉ thường trú: Yên Nhân, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội.

Nơi cư trú hiện tại: Yên Nhân, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội.

Bên Mua (Bên B):

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH RAU SẠCH THẮNG LONG

Địa chỉ trụ sở: Số 14 Nguyễn Văn Ngọc, P Cống Vị, Q Ba Đình, Hà Nội

Mã số thuế: 01100405961

Đại diện: Ông Mai Danh Hiệu

Chức vụ: Giám đốc

Cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán rau củ quả an toàn các loại với các nội dung cụ thể sau đây:

Điều 1. Đối tượng Hợp đồng rau củ

Bên A đồng ý bán những loại rau củ quả được liệt kê như sau:



Bí xanh, Bí đỏ, Khoai tây, Cà rốt, Củ cải, Su su, Su hào, Đổ cô ve, Ngô ngọt, trái cây (cam, chanh, ổi, chuối, dưa hấu, dưa chuột, dứa)

Cho Bên B trong thời gian từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/07/2026 tại địa điểm Yên Nhân, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội.

Chất lượng của số rau củ quả mà Bên A bán cho Bên B được xác định theo những tiêu chí sau: Sản phẩm được trồng trong vùng rau an toàn và hộ nông dân có cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành. Có bảng kê chi tiết cho mỗi đơn hàng

Điều 2. Giá và phương thức thanh toán

Bên A đồng ý bán toàn bộ số rau củ quả đã xác định tại Điều 1 Hợp đồng này cho Bên B với giá thảo thuận bán theo của thị trường.

Bên B lập bảng nhu cầu dự kiến các loại rau mua trong tuần vào ngày thứ 7 trước của tuần nhận hàng, 2 bên tiến hành chốt số lượng giá cả.

Hình thức thanh toán: thanh toán ngay theo từng lô hàng (chuyển khoản qua ngân hàng/trả tiền mặt).

Số tiền đã xác định theo nội dung trên sẽ được Bên B trả trực tiếp cho đại diện theo yêu cầu của Bên A, cụ thể là:

Ông: Nguyễn Văn Lương

CMND/CCCD số:001084032977 do Cục QLHC cấp ngày 10/05/2021

Điều 3. Thực hiện hợp đồng

1. Thời hạn thực hiện Hợp đồng

Thời hạn thực hiện Hợp đồng này được hai bên thỏa thuận là từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/07/2026

Trong đó, Bên A phải đảm bảo sẽ giao cho Bên B 01 bản sao các giấy tờ sau:

CCCD của ông Nguyễn Văn Lương. Bản cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn. CCCD của ông Nguyễn Văn Lương

2. Địa điểm và phương thức thực hiện

Toàn bộ số rau củ quả đã được xác định tại Điều 1 Hợp đồng này sẽ được Bên A giao cho Bên B theo nhu cầu của bên A và số lượng theo từng đợt, địa điểm giao tại Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội

Ngay sau khi nhận được số rau củ quả trong từng đợt, bên B có nghĩa vụ kiểm tra số lượng, tình trạng của số rau củ quả đã nhận, lập văn bản xác nhận việc đã nhận cũng như tình trạng khi nhận và giao Biên bản giao nhận trực tiếp cho:

Ông: Nguyễn Văn Lương

CMND/CCCD số:001084032977 do Cục QLHC cấp ngày 10/05/2021

Trong thời hạn 24h, kể từ khi Bên B nhận được số rau củ quả theo ghi nhận trong Biên bản giao nhận tương ứng, Bên B có quyền trả lại số rau củ quả đã nhận nếu kiểm tra phát hiện rau không đạt tiêu chuẩn rau an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành. và yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại, chấm dứt hợp đồng.

Điều 4. Cam kết của các bên

1. Cam kết của bên A

Cam kết tính trung thực, chính xác của những thông tin mà bên A đã đưa ra và đảm bảo sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với những sự việc phát sinh từ tính trung thực, chính xác của những thông tin này.

Bồi thường thiệt hại xảy ra cho bên B nếu có thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm của bản thân.

Cam kết thực hiện đúng các quy định về rau an toàn theo quy định của pháp luật và khu vực.

2. Cam kết của bên B

Cam kết thực hiện Hợp đồng này bằng thiện chí hợp tác

Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo thỏa thuận ghi nhận tại Hợp đồng.

Điều 5. Vi phạm hợp đồng và giải quyết tranh chấp

Trong trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng vì bất kỳ lý do gì bên còn lại có các quyền sau:

Phạt vi phạm bên vi phạm một số tiền là: 5.000.000VNĐ (Bằng chữ: Năm triệu Việt Nam Đồng)

Trong trường hợp Bên A có các vi phạm về cam kết sản xuất rau an toàn trong bất kỳ thời gian nào khi thực hiện công việc cho Bên B gây ra bất kỳ hậu quả gì.

Bên A có nghĩa vụ phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước Bên B, pháp luật và các chủ thể có quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên đồng ý ưu tiên giải quyết thông qua trao đổi, thương lượng. Việc trao đổi, thương lượng này phải được thực hiện ít nhất là 2 lần và phải được lập thành 2 (văn bản). Nếu sau 2 lần tổ chức trao đổi, thương lượng mà hai bên không thỏa thuận giải quyết được tranh chấp, một bên hoặc cả hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt khi có một trong các căn cứ sau:

- Hai bên có thỏa thuận chấm dứt thực hiện hợp đồng;
- Hợp đồng không thể thực hiện do có vi phạm pháp luật;
- Hợp đồng không thể thực hiện do nhà nước cấm thực hiện;
- Một bên có hành vi vi phạm nghĩa vụ được ghi nhận trong Hợp đồng này và bên bị vi phạm có yêu cầu chấm dứt thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/07/2024

Hợp đồng này hết hiệu lực khi các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của mình, hoặc có thỏa thuận chấm dứt và không thực hiện hợp đồng.

Đến thời hạn hết hiệu lực của hợp đồng nếu 2 bên không thảo thuận chấm dứt hợp đồng thì hợp đồng này được tự động gia hạn .

Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt, Các bản Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau và Bên A giữ 01, Bên B giữ 01 bản.

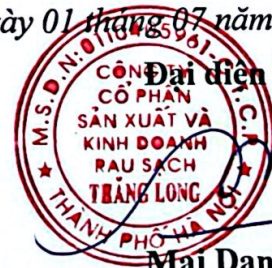
Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2024

Đại diện Bên A



Nguyễn Văn Lương

Đại diện Bên B



Mai Danh Hiệu

**GIẤY TỰ XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC
PHẨM**

Số: 03/XNK T

- Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-ATTP ngày 27/03/2024 của Cục ATTP – Bộ Y tế về việc ban hành bộ câu hỏi đánh giá kiến thức, thực hành về ATTP cho chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ y tế và đáp án trả lời;
- Căn cứ vào các văn bản quy định của pháp luật về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn.

Tên người được xác nhận: Nguyễn Văn Lương Sinh năm:1984

CCCD số: 001084032977 do Cục QLHC cấp ngày 10/05/2021

Địa chỉ thường trú: Yên Nhân, Tiên Phong, Mê Linh, Hà Nội.

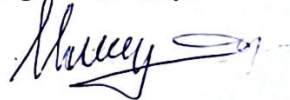
Nơi cư trú hiện tại: Yên Nhân, Tiên Phong, Mê Linh, Hà Nội.

Xác nhận các Ông Nguyễn Văn Lương đã được tập huấn kiến thức ATTP, Có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị 3 năm kể từ ngày cấp

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2025

Người xác nhận

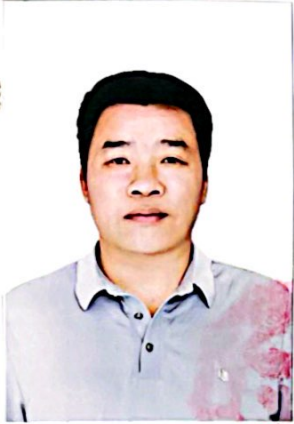


Nguyễn Văn Lương



Số:000000001928GRSK-BVML

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN LƯƠNG
2. Giới tính: Nam Nữ
3. Sinh ngày: 07/12/1984
4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ định danh CD: 001084032977
5. Cấp ngày: 14/11/2021 tại Cục y tế Cục CS
6. Chỗ ở hiện tại: Yên Néon Mê Linh Hà Nội
7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ; b) Có ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

| STT | Tên bệnh, tật | Có | Không | STT | Tên bệnh, tật | Có | Không |
|-----|---|--------------------------|--------------------------|-----|--|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 12 | Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 13 | Bệnh tâm thần | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 14 | Mất ý thức, rối loạn ý thức | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 15 | Ngất, chóng mặt | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 16 | Bệnh tiêu hóa | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Phẫu thuật can thiệp tim-mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 17 | Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Tăng huyết áp | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | | Tai biến mạch máu não hoặc liệt | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |



| | | | | | | | |
|----|---|--------------------------|--------------------------|----|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 8 | Khó thở | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 19 | Bệnh hoặc tổn thương cột sống | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 20 | Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Bệnh thận, lọc máu | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 21 | Sử dụng ma túy và chất gây nghiện | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 11 | Nghiện rượu, bia | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | 22 | Bệnh khác (ghi rõ) | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....
.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Yên Lãng, ngày tháng năm 20.....

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Lương
Nguyễn Văn Lương

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 168 cm; - Cân nặng: 75 kg; - Chỉ số BMI: 26

- Mạch: 72 lần/phút; - Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: 1

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nguyễn Thị Trang
Bs. Nguyễn Thị Trang

| Nội dung khám | | Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa |
|--------------------|-----------|---|
| 1. Nội khoa | | |
| a) | Tuần hoàn | <i>Nguyễn Thị Trang</i> Bs. Nguyễn Thị Trang |
| | Phân loại | |
| b) | Hô hấp | <i>Nguyễn Thị Trang</i> Bs. Nguyễn Thị Trang |
| | Phân loại | |
| c) | Tiêu hóa | <i>Nguyễn Thị Trang</i> Bs. Nguyễn Thị Trang |
| | Phân loại | |

CS Được quét bằng CamScanner

| | | | |
|---|-----------------------------|------|-----------------------|
| d) | Thận- Tiết niệu | 1/10 | Bs. Lê Hà Trang |
| | Phân loại | | |
| d) | Nội tiết | 1/10 | Bs. Lê Hà Trang |
| | Phân loại | | |
| e) | Cơ- xương- khớp | 1/10 | Bs. Lê Hà Trang |
| | Phân loại | | |
| g) | Thần kinh | 1/10 | Bs. Lê Hà Trang |
| | Phân loại | | |
| h) | Tâm thần | 1/10 | Bs. Lê Hà Trang |
| | Phân loại | | |
| 2. | Ngoại khoa, Da liễu: | | Bs. Phạm Văn Thắng |
| | - Ngoại khoa:..... | 1/5 | |
| | Phân loại: | I | |
| | - Da liễu: | 1/10 | |
| 3. | Sản phụ khoa: | | Bs. Lê Hà Trang |
| | Phân loại: | | |
| 4. | Mắt: | | |
| Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10.. Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải Mắt trái | | | BS Nguyễn Thị Hà |
| Các bệnh về mắt (nếu có): | | | |
| Phân loại: | | | |
| 5. | Tai- Mũi- Họng | | |
| Kết quả khám thính lực: | | | Bs. Nguyễn Hùng Cường |
| Tai trái: Nói thường/5.....m; Nói thầm/025.....m | | | |
| Tai phải: Nói thường/.....m; Nói thầm/.....m | | | |
| Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... | | | |
| Phân loại: | | | |
| 6. | Răng – Hàm – Mặt | | |
| Kết quả khám: | | | BSCKI. Nguyễn Phú Quý |
| Hàm trên: | | | |
| Hàm dưới: | | | |
| Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):..... | | | |
| Phân loại: | | | |

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

| Nội dung khám | Họ tên, chữ ký của Bác sỹ |
|---|---|
| <p>1. Xét nghiệm máu:</p> <p>a) Công thức máu:</p> <p>Số lượng HC: $5,0 \times 10^{12}/L$</p> <p>Số lượng Bạch cầu: $5,16 \times 10^9/L$</p> <p>Số lượng Tiểu cầu: $115 \times 10^9/L$</p> <p>b) Sinh hóa máu:</p> <p>Đường máu:</p> <p>Urê:</p> <p>Creatinin:</p> <p>ASAT (GOT): ALAT (GPT):</p> | <p><i>[Handwritten Signature]</i></p> <p><i>[Handwritten Signature]</i></p> <p><i>Thị Cúc</i></p> |
| <p>2. Xét nghiệm nước tiểu:</p> <p>a) Đường:</p> <p>b) Prôtêin:</p> <p>c) Khác (nếu có):</p> | |
| <p>3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> | |

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: 1
2. Các bệnh, tật (nếu có):

Yên Lãng, ngày 19 tháng 01 năm 2026.

NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
MÊ LINH

PHÓ GIÁM ĐỐC
BSCKI. Phan Văn Lộc



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã bệnh nhân: 2600011041 / Số V.V: / Số bệnh phẩm 190126-5763

Họ tên: NGUYỄN VĂN LƯƠNG

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 07/12/1984 Tuổi: 42 tuổi

Điện thoại: 0976184151

Địa chỉ: Thôn Yên Nhân, Xã Mê Linh, , Thành phố Hà Nội

CMTND/CCCD:

Khoa: Khoa khám bệnh

Phòng: Phòng khám Sức khỏe

Đối tượng: KSK

Số thẻ BHYT:

Thời gian chỉ định: 19/01/2026 13:57:00

Tình trạng mẫu: Đạt

Thời gian lấy mẫu: 19/01/2026 14:01:00

Bác sỹ chỉ định: Lê Hà Trang

Thời gian nhận mẫu: 19/01/2026 14:01:00

Người lấy mẫu: CN. Nguyễn Thị Ngọc

Người nhận mẫu: CN. Nguyễn Thị Ngọc

Chẩn đoán: Máu

| STT | Tên xét nghiệm | Kết quả | Tham chiếu | ĐVT | Máy làm | Quy trình đo (SOP) |
|---|---|---------|-------------|--------|---------------|--------------------|
| XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC: BP - MÁU TOÀN PHẦN | | | | | | |
| 1 | Tổng phân tích TB máu bằng máy tổng trở (BH) | | | Lần | CelltacnphaM1 | |
| 2 | WBC (Số lượng bạch cầu) ** | 5.6 | 3.4 - 9.7 | G/L | CelltacnphaM1 | QTKT. HH.02 |
| 3 | NEUT% (Tỷ lệ % bạch cầu trung tính) | 60.2 | 43.5 - 75.7 | % | CelltacnphaM1 | |
| 4 | LYPH% (Tỷ lệ % bạch cầu lympho) | 37.3 | 16.6 - 44.8 | % | CelltacnphaM1 | |
| 5 | MONO% (Tỷ lệ % bạch cầu mono) | 2.5 | 3.1 - 10.2 | % | CelltacnphaM1 | |
| 6 | NEU (Số lượng bạch cầu trung tính) | 3.4 | 1.4 - 6.5 | G/L | CelltacnphaM1 | |
| 7 | LYPH (Số lượng bạch cầu lympho) | 2.1 | 1.0 - 3.0 | G/L | CelltacnphaM1 | |
| 8 | MONO (Số lượng bạch cầu mono) | 0.1 | 0.2 - 0.7 | G/L | CelltacnphaM1 | |
| 9 | RBC (Số lượng hồng cầu) ** | 5.0 | 3.8 - 4.9 | Tera/L | CelltacnphaM1 | QTKT. HH.02 |
| 10 | HGB (Lượng huyết sắc tố) | 160 | 117 - 144 | g/L | CelltacnphaM1 | |
| 11 | HCT (Khối hồng cầu - Hematocrit) | 46.7 | 36 - 44 | % | CelltacnphaM1 | |
| 12 | MCV (Thể tích trung bình của một hồng cầu) | 92.8 | 83.5 - 96.9 | fL | CelltacnphaM1 | |
| 13 | MCH (Lượng Hemoglobin trung bình hồng cầu) | 31.8 | 28.0 - 32.0 | pg | CelltacnphaM1 | |
| 14 | MCHC (Nồng độ Hemoglobin trung bình hồng cầu) | 343 | 320 - 360 | g/L | CelltacnphaM1 | |
| 15 | RDW-CV (Độ phân bố hồng cầu) | 10.8 | 11.7 - 14.5 | % | CelltacnphaM1 | |
| 16 | PLT (Số lượng tiểu cầu) ** | 175 | 150 - 450 | G/L | CelltacnphaM1 | QTKT. HH.02 |
| 17 | MPV (Thể tích trung bình tiểu cầu) | 8.7 | 7.0 - 11.0 | fL | CelltacnphaM1 | |
| 18 | PDW (Độ phân bố tiểu cầu) | 17.7 | 9.0 - 17.0 | fL | CelltacnphaM1 | |
| 19 | PCT (Thể tích khối tiểu cầu) | 0.15 | 0.1 - 0.5 | % | CelltacnphaM1 | |

Lưu ý/Diễn giải:

14:21 Ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người thực hiện: KTV. Nguyễn Thúy Hà

14:21 Ngày 19 tháng 01 năm 2026

KHOA XÉT NGHIỆM

Kết quả trên chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

- Kết quả in đậm là kết quả có giá trị ngoài khoảng tham chiếu
- Xét nghiệm có ** phía sau là xét nghiệm được công nhận ISO 15189:2022
- Xét nghiệm có * phía trước là xét nghiệm gửi ngoại viện
- Dấu "." ở phần kết quả là dấu thập phân



Handwritten signature

Cấp bởi: MySign
Bệnh Viện Đa Khoa Mê Linh
Ký bởi: BS. Hoàng Thị Cúc

Được quét bằng CamScanner

Trang 1/1